

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Phê duyệt của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 54

10/10/2023

CC
CH
NS
VI
7/1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2000. Công ty sau đó đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 32 cấp ngày 5 tháng 4 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 80/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; dịch vụ sửa chữa nhà và trang trí nội thất; và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 235 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Việt Hải	Chủ tịch	
Ông Phan Ngọc Thạnh	Thành viên	
Ông Lê Quốc Duy	Thành viên	
Ông Park Seok Bae	Thành viên	
Ông Lê Việt Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Tường Bảo	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Công Phú	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2021
Ông Dương Văn Hùng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2021
Ông Phương Công Thắng	Thành viên độc lập	Hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2021
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên độc lập	Hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2021
Ông Đặng Hồng Anh	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2021

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tường Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Công Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2021
Ông Dương Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Việt Hiếu	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Quang Nhật	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tấn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Việt Hải
– Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn như đã đề cập ở đoạn trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Lê Việt Hải
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 60933601/22705173

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.576.044.524.597	11.637.431.992.673
110	I. Tiền	4	317.286.764.921	100.041.372.182
111	1. Tiền		317.286.764.921	100.041.372.182
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.110.099.648.831	10.609.346.083.437
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.867.997.367.602	5.411.421.272.744
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	392.252.054.972	270.436.179.797
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	4.801.257.313.500	4.129.187.390.413
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	637.677.672.447	512.073.032.971
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	789.510.144.339	670.883.519.095
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7, 9	(378.594.904.029)	(384.655.311.583)
140	III. Hàng tồn kho		1.042.880.565.209	828.518.359.319
141	1. Hàng tồn kho	10	1.045.023.339.138	830.661.133.248
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10	(2.142.773.929)	(2.142.773.929)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		105.777.545.636	99.526.177.735
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	63.382.484.104	67.156.954.686
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		42.395.061.532	32.369.223.049
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.718.654.436.230	1.844.982.910.274
210	I. Phải thu dài hạn		4.686.074.657	4.589.074.657
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	4.686.074.657	4.589.074.657
220	II. Tài sản cố định		848.921.825.974	966.174.417.901
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	803.461.492.829	918.798.496.568
222	Nguyên giá		1.839.665.094.036	1.906.193.252.608
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.036.203.601.207)	(987.394.756.040)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	45.460.333.145	47.375.921.333
228	Nguyên giá		60.317.025.806	60.317.025.806
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.856.692.661)	(12.941.104.473)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		24.257.174.866	25.654.450.989
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	24.257.174.866	25.654.450.989
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	726.039.630.617	709.487.678.888
251	1. Đầu tư vào các công ty con		735.375.439.051	735.375.439.051
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết		186.080.020.000	186.080.020.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		39.227.400.000	39.227.400.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(236.643.228.434)	(253.195.180.163)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		114.749.730.116	139.077.287.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	110.042.727.116	134.279.554.839
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	4.707.003.000	4.797.733.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.294.698.960.827	13.482.414.902.947

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.602.325.098.296	9.846.093.983.958
310	I. Nợ ngắn hạn		10.329.910.979.237	9.543.353.066.050
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	3.682.292.808.618	3.125.681.609.383
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.114.460.311.726	681.622.824.950
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.454.922.915	22.551.744.818
314	4. Phải trả người lao động		311.535.159.725	374.517.048.055
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	813.629.522.566	543.955.941.415
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	153.231.190.185	150.352.928.174
320	7. Vay ngắn hạn	21	4.236.307.063.502	4.644.670.969.255
330	II. Nợ dài hạn		272.414.119.059	302.740.917.908
338	1. Vay dài hạn	21	55.791.918.521	80.364.322.170
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	22	216.622.200.538	222.376.595.738
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.692.373.862.531	3.636.320.918.989
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.692.373.862.531	3.636.320.918.989
411	1. Vốn cổ phần		2.308.753.980.000	2.308.753.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.308.753.980.000	2.308.753.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		346.669.112.981	346.669.112.981
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.548.441.157	94.548.441.157
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		942.402.328.393	886.349.384.851
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		883.015.344.838	817.519.742.726
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		59.386.983.555	68.829.642.125
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.294.698.960.827	13.482.414.902.947

Nguyễn Hồng Đức

Nguyễn Thị Nguyễn Thủy



Lê Viết Hải

Nguyễn Hồng Đức
Người lập

Nguyễn Thị Nguyễn Thủy
Kế toán trưởng

Lê Viết Hải
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.272.853.500.155	5.319.823.725.220
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.272.853.500.155	5.319.823.725.220
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(4.956.638.177.776)	(4.912.417.551.241)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		316.215.322.379	407.406.173.979
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	33.440.078.378	42.750.472.341
22	6. Chi phí tài chính	26	(119.296.195.350)	(208.020.197.852)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(135.223.190.478)	(152.209.043.337)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(145.876.354.253)	(188.752.744.493)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		84.482.851.154	53.383.703.975
31	9. Thu nhập khác	28	5.211.532.050	25.399.614.740
32	10. Chi phí khác	28	(7.005.931.757)	-
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(1.794.399.707)	25.399.614.740
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.688.451.447	78.783.318.715
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(16.407.268.916)	(15.335.022.954)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(90.730.000)	(460.142.916)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		66.190.452.531	62.988.152.845

nghehuo

huuy



thh

Nguyễn Hồng Đức
Người lập

Nguyễn Thị Nguyễn Thủy
Kế toán trưởng

Lê Việt Hải
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.688.451.447	78.783.318.715
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13	103.290.363.061	113.074.076.083
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(28.366.754.483)	52.459.114.290
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(12.443.976)	30.218.652
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(34.177.831.814)	(23.256.939.835)
06	Chi phí lãi vay	26	135.223.190.478	152.209.043.337
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		258.644.974.713	373.298.831.242
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(389.104.847.526)	1.055.982.805.334
10	Tăng hàng tồn kho		(213.453.542.815)	(317.725.818)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.208.758.750.207	(1.838.237.859.692)
12	Giảm chi phí trả trước		28.011.298.305	101.290.306.148
14	Tiền lãi vay đã trả		(132.632.786.932)	(155.135.268.859)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(17.918.988.927)	(35.604.390.644)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.509.193.809)	(5.966.945.381)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		730.795.663.216	(504.690.247.670)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.658.315.735)	(7.993.730.423)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		21.279.326.741	25.469.243.201
23	Chi cho vay		(102.842.709.040)	(76.100.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	11.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6.000.000.000)
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		3.608.009.491	61.392.708.977
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(80.613.688.543)	7.768.221.755

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	4.524.805.560.438	5.239.449.398.552
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(4.957.741.869.840)	(5.045.184.999.102)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(432.936.309.402)	194.264.399.450
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		217.245.665.271	(302.657.626.465)
60	Tiền đầu kỳ		100.041.372.182	499.594.326.476
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(272.532)	713.956
70	Tiền cuối kỳ	4	317.286.784.921	196.937.413.967

nghe

huy



Nguyễn Hồng Đức
Người lập

Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng

Lê Việt Hải
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2000. Công ty sau đó đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 32 cấp ngày 5 tháng 4 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 80/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; dịch vụ sửa chữa nhà và trang trí nội thất; và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 235 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là: 3.944 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.986 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại, và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí xây dựng chung có liên quan theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản để bán thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- » Chi phí tiền sử dụng đất;
- » Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- » Chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- » Chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương ứng của bất động sản bán đi.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 16 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ sử dụng cho việc xây dựng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian từ 3 đến 36 tháng theo phương pháp đường thẳng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập với tỷ lệ 0,5% doanh thu phát sinh trong kỳ.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

▸ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập bằng 10% lợi nhuận sau thuế hàng năm theo Điều lệ Công ty, dùng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

▸ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu bán hàng hóa bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	90.236.511	1.954.191
Tiền gửi ngân hàng	317.196.528.410	100.039.417.991
TỔNG CỘNG	317.286.764.921	100.041.372.182

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu bên khác	4.828.573.793.863	5.308.175.555.933
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	39.423.573.739	103.245.716.811
TỔNG CỘNG	4.867.997.367.602	5.411.421.272.744
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(180.008.986.117)	(151.761.704.973)
GIÁ TRỊ THUẬN	4.687.988.381.485	5.259.659.567.771

Phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	(151.761.704.973)	(151.125.151.314)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(43.580.539.588)	(73.235.964.433)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	15.333.258.444	72.599.410.774
Số cuối kỳ	(180.008.986.117)	(151.761.704.973)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết phải thu ngắn hạn và dự phòng:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		VND
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	230.964.082.588	12.518.584.331	234.147.230.431	12.518.584.331	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cầu Giấy	93.209.033.426	13.410.115.109	93.209.033.426	11.501.477.208	
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	80.511.514.710	24.497.642.192	80.511.514.710	15.092.917.947	
Công ty Cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng	71.811.701.120	8.616.226.954	71.811.701.120	-	
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Hà	58.803.476.789	7.446.275.638	69.803.476.789	13.797.549.865	
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	48.119.743.000	14.324.003.322	48.119.743.000	14.108.457.770	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ cao Hà Nội	43.223.119.570	18.777.758.707	43.223.119.570	13.953.228.525	
Công ty TNHH Vĩ Khoa Học	40.944.529.714	10.372.419.116	40.944.529.714	10.372.419.116	
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hải Đăng	18.046.545.916	7.570.451.139	18.046.545.916	5.413.963.775	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô Thị	17.819.128.529	13.878.413.197	18.537.900.269	-	
Các bên khác	4.119.702.915.689	48.597.096.412	4.693.066.477.799	55.003.106.436	
TỔNG CỘNG	4.867.997.367.602	180.008.986.117	5.411.421.272.744	151.761.704.973	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho bên khác	141.188.262.827	113.437.071.861
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	251.063.792.145	156.999.107.936
TỔNG CỘNG	<u>392.252.054.972</u>	<u>270.436.179.797</u>

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu bên khác	4.766.384.497.908	4.078.563.686.140
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	34.872.815.592	50.623.704.273
TỔNG CỘNG	<u>4.801.257.313.500</u>	<u>4.129.187.390.413</u>
Dự phòng phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng khó đòi	<u>(192.761.873.195)</u>	<u>(227.630.401.299)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>4.608.495.440.305</u>	<u>3.901.556.989.114</u>

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	(227.630.401.299)	(192.934.138.913)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(15.402.200.038)	(3.117.680.307)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	50.270.728.142	1.350.337.165
Số cuối kỳ	<u>(192.761.873.195)</u>	<u>(194.701.482.055)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG (tiếp theo)

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và dự phòng:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	124.431.722.427	71.287.979.052	174.569.183.382	106.751.385.390
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ cao Hà Nội	76.856.255.763	21.302.103.650	76.856.255.763	21.026.294.449
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cầu Giấy	28.679.793.751	21.378.762.816	28.679.793.751	20.075.855.626
Công ty Cổ phần May Lê Trục	27.250.489.252	25.674.396.848	27.250.489.252	24.820.939.616
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	20.790.695.325	13.376.407.356	20.790.695.325	13.376.407.356
Các bên khác	4.523.248.356.982	39.742.223.473	3.801.040.972.940	41.579.518.862
TỔNG CỘNG	4.801.257.313.500	192.761.873.195	4.129.187.390.413	227.630.401.299

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HÀNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 30)	632.888.928.494		507.284.289.018	
Cho bên khác vay	4.788.743.953		4.788.743.953	
TỔNG CỘNG	637.677.672.447		512.073.032.971	

Khoản phải thu về cho vay ngân hàng thể hiện khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	323.835.489.351	286.483.319.769
Cho mượn nguồn lực sản xuất	229.833.090.672	194.138.251.173
Lãi phải thu	145.101.387.396	149.159.573.198
Thu hộ	67.206.743.241	-
Các khoản ký quỹ	3.760.844.600	4.563.464.600
Cổ tức nhận được	2.420.025.621	2.420.025.621
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.218.434	41.717.063
Khác	17.351.345.024	34.077.167.671
TỔNG CỘNG	789.510.144.339	670.883.519.095
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên khác</i>	<i>682.954.768.660</i>	<i>610.390.635.810</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>106.555.375.679</i>	<i>60.492.883.285</i>
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.824.044.717)	(5.263.205.311)
GIÁ TRỊ THUẦN	783.686.099.622	665.620.313.784
Dài hạn		
Ký quỹ cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	2.740.524.657	2.740.524.657
Ký quỹ cho bên khác	1.945.550.000	1.848.550.000
TỔNG CỘNG	4.686.074.657	4.589.074.657

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	(5.263.205.311)	(23.883.161.804)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(560.839.406)	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	18.619.956.493
Số cuối kỳ	<u>(5.824.044.717)</u>	<u>(5.263.205.311)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu xây dựng	439.235.096.699	-	220.728.535.517	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	380.265.303.568	(2.142.773.929)	385.117.378.860	(2.142.773.929)
Hàng hóa bất động sản	225.522.938.871	-	224.815.218.871	-
TỔNG CỘNG	1.045.023.339.138	(2.142.773.929)	830.661.133.248	(2.142.773.929)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	(2.142.773.929)	(1.768.250.000)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(2.142.773.929)
Số cuối kỳ	<u>(2.142.773.929)</u>	<u>(3.911.023.929)</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	63.382.484.104	67.156.954.686
Công cụ dụng cụ sử dụng cho công trình xây dựng	58.335.930.310	61.643.832.146
Phí bảo lãnh ngân hàng	1.282.093.302	1.376.543.514
Khác	3.764.460.492	4.136.579.026
Dài hạn	110.042.727.116	134.279.554.839
Tiền thuê đất trả trước	55.212.824.212	55.836.927.892
Công cụ dụng cụ sử dụng cho công trình xây dựng	34.096.096.365	55.570.076.026
Phí bảo lãnh ngân hàng	3.423.307.922	7.246.827.100
Khác	17.310.498.617	15.625.723.821
TỔNG CỘNG	173.425.211.220	201.436.509.525

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.124.410.448	1.825.257.438.377	56.690.132.524	19.121.271.259	1.906.193.252.608
Mua mới	-	4.005.791.858	-	49.800.000	4.055.591.858
Thanh lý, nhượng bán	-	(70.036.570.430)	-	(547.180.000)	(70.583.750.430)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.124.410.448	1.759.226.659.805	56.690.132.524	18.623.891.259	1.839.665.094.036
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	167.102.369.028	8.983.499.320	6.637.909.861	162.723.778.209
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(2.497.698.218)	(942.085.487.870)	(28.064.352.216)	(14.747.217.736)	(987.394.756.040)
Khấu hao trong kỳ	(375.191.802)	(97.250.481.612)	(2.735.873.634)	(1.013.227.825)	(101.374.774.873)
Thanh lý, nhượng bán	-	52.275.483.701	-	290.446.005	52.565.929.706
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(2.872.890.020)	(987.060.485.781)	(30.800.225.850)	(15.469.999.556)	(1.036.203.601.207)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.626.712.230	883.171.950.507	28.625.780.308	4.374.053.523	918.798.496.568
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.251.520.428	772.166.174.024	25.889.906.674	3.153.891.703	803.461.492.829
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và 21.3)	149.544.307	294.307.865.112	1.146.715.953	-	295.604.125.372

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	39.790.252.840	19.310.767.608	1.216.005.358	60.317.025.806
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	6.294.885.848	1.216.005.358	7.510.891.206
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	(11.725.099.115)	(1.216.005.358)	(12.941.104.473)
Hao mòn trong kỳ	-	(1.915.588.188)	-	(1.915.588.188)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	(13.640.687.303)	(1.216.005.358)	(14.856.692.661)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	39.790.252.840	7.585.668.493	-	47.375.921.333
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	39.790.252.840	5.670.080.305	-	45.460.333.145
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21.1)	4.500.924.600	-	-	4.500.924.600

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trung tâm Sáng tạo Hòa Bình	24.257.174.866	23.075.776.803
Thiết bị đang lắp đặt	-	2.578.674.186
TỔNG CỘNG	24.257.174.866	25.654.450.989

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 15.1)	735.375.439.051	735.375.439.051
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	186.080.020.000	186.080.020.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 15.3)	39.227.400.000	39.227.400.000
Trái phiếu (*)	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>962.682.859.051</u>	<u>962.682.859.051</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(236.643.228.434)	(253.195.180.163)
<i>Trong đó:</i>		
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 15.1)	(191.974.469.846)	(215.204.855.750)
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	(34.893.681.516)	(28.992.122.235)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 15.3)	<u>(9.775.077.072)</u>	<u>(8.998.202.178)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>726.039.630.617</u>	<u>709.487.678.888</u>

(*) Đây là khoản đầu tư trái phiếu phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với kỳ hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động cá nhân kỳ hạn 12 tháng cộng 0,8%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

STT	Tên công ty con	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
				% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
1	Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Kinh doanh phát triển các dự án bất động sản	Đang hoạt động	99,96	449.800.000.000	99,96	449.800.000.000
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Đầu tư và xây dựng khu công nghiệp	Đang hoạt động	97,97	256.208.939.051	97,97	256.208.939.051
3	Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Cho thuê máy móc cơ điện và thiết bị xây dựng	Đang hoạt động	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000
4	Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp dịch vụ trang trí nội thất	Đang hoạt động	100,00	6.800.000.000	100,00	6.800.000.000
5	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Tư vấn xây dựng, khảo sát công trình, thiết kế kiến trúc công trình	Đang hoạt động	75,00	1.500.000.000	75,00	1.500.000.000
6	Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Thiết kế, xây dựng và cung cấp dịch vụ giám định kỹ thuật, quản lý xây dựng và quản lý dự án	Trước hoạt động	100,00	1.066.500.000	100,00	1.066.500.000
TỔNG CỘNG					735.375.439.051		735.375.439.051
Dự phòng đầu tư vào các công ty con					(191.974.469.846)		(215.204.855.750)
ĐẦU TƯ THUẬN					543.400.969.205		520.170.583.301

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư vào các công ty con:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng trích lập trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	<u>(215.204.855.750)</u>	-	<u>23.230.385.904</u>	<u>(191.974.469.846)</u>

البيان المالي

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
				% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
1	Công ty Cổ phần 479	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	Đang hoạt động	49,25	85.000.000.000	49,25	85.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Môi giới, tư vấn đầu tư và tư doanh chứng khoán	Đang hoạt động	42,53	40.677.500.000	42,53	40.677.500.000
3	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Thi công lắp đặt trang thiết bị công trình xây dựng hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống làm lạnh	Đang hoạt động	47,82	34.842.520.000	47,82	34.842.520.000
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhóm Kinh Anh Việt	Trang trí nội thất, sản xuất vật liệu xây dựng (cửa nhôm), san lấp mặt bằng và mua bán vật tư xây dựng	Đang hoạt động	9,10	19.560.000.000	46,93	19.560.000.000
5	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Onwa Tech (I)	Cung cấp dịch vụ trang trí nội thất, mua bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng	Đang hoạt động	15,38	6.000.000.000	16,22	6.000.000.000
TỔNG CỘNG					186.080.020.000		186.080.020.000
Dự phòng đầu tư vào các công ty liên kết					(34.893.681.516)		(28.992.122.235)
ĐẦU TƯ THUẬN					151.186.338.484		157.087.897.765

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

(i) Onwa Tech là một công ty liên kết với tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 15,38% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp là 10,26% thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình và Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư vào công ty liên kết:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng trích lập trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	(25.812.896.159)	(1.330.007.033)	1.809.463.787	(25.333.439.405)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	(1.284.850.229)	(6.194.730.200)	-	(7.479.580.429)
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Onwa Tech	(1.894.375.847)	(186.285.835)	-	(2.080.661.682)
TỔNG CỘNG	(28.992.122.235)	(7.711.023.068)	1.809.463.787	(34.893.681.516)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình Việt Nam (i)	21.405.000.000	-	21.405.000.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn – Rach Giá (ii)	13.637.400.000	(9.775.077.072)	13.637.400.000	(8.998.202.178)
Công ty Cổ phần Jesco Asia (iii)	4.185.000.000	-	4.185.000.000	-
TỔNG CỘNG	39.227.400.000	(9.775.077.072)	39.227.400.000	(8.998.202.178)

(i) Đây là khoản đầu tư 10% vốn điều lệ của Công ty vào Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình theo Hợp đồng Nguyên tắc số 02/HĐNT/DLHB-HBG ngày 25 tháng 12 năm 2010.

(ii) Đây là khoản đầu tư 10,24% vốn điều lệ, tương đương 1.363.740 cổ phiếu, của Công ty vào Công ty Cổ phần Sài Gòn – Rach Giá theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ ba số 1700547079 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 2 năm 2017.

(iii) Đây là khoản đầu tư 3,23% vốn điều lệ của Công ty vào Công ty Cổ phần Jesco Asia theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ ba số 411032000117 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả cho bên khác (*)	3.408.555.847.603	2.796.526.632.780
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	273.736.961.015	329.154.976.603
TỔNG CỘNG	3.682.292.808.618	3.125.681.609.383

(*) Bao gồm trong khoản phải trả các bên khác là số tiền 412.124.898.935 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND) phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark	145.402.818.128	-
Công ty TNHH Olympia	102.063.736.033	-
Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)	89.786.041.048	90.452.084.052
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	84.487.861.963	84.487.861.963
Công ty Cổ phần Vinhomes	-	95.033.642.116
Các công ty khác	692.719.854.554	411.649.236.819
TỔNG CỘNG	<u>1.114.460.311.726</u>	<u>681.622.824.950</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.918.988.927	16.407.268.916	(17.918.988.927)	16.407.268.916
Thuế thu nhập cá nhân	4.632.755.891	12.318.333.772	(14.903.435.664)	2.047.653.999
TỔNG CỘNG	<u>22.551.744.818</u>	<u>28.725.602.688</u>	<u>(32.822.424.591)</u>	<u>18.454.922.915</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí xây dựng phải trả cho thầu phụ	797.768.589.444	525.988.631.321
Chi phí lãi vay	9.731.569.828	7.141.166.282
Khác	6.129.363.294	10.826.143.812
TỔNG CỘNG	<u>813.629.522.566</u>	<u>543.955.941.415</u>
Trong đó:		
Bên khác	729.620.468.819	455.678.280.148
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	84.009.053.747	88.277.661.267

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.927.949.904	111.744.886.159
Thưởng ban điều hành và cán bộ trọng yếu	26.870.306.672	33.985.883.845
Bảo hiểm xã hội	4.604.823.000	-
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	3.690.714.410	3.699.714.410
Cổ tức phải trả	313.290.295	313.290.295
Khác	3.824.105.904	609.153.465
TỔNG CỘNG	<u>153.231.190.185</u>	<u>150.352.928.174</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Đi vay	Trả nợ gốc vay	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ngắn hạn	4.644.670.969.255	4.524.805.560.438	(4.957.741.869.840)	24.572.403.649	4.236.307.063.502
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	4.568.087.523.717	4.524.805.560.438	(4.920.073.669.840)	-	4.172.819.414.315
Vay bên khác (Thuyết minh số 21.2)	3.223.822.481	-	-	-	3.223.822.481
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	73.359.623.057	-	(37.668.200.000)	24.572.403.649	60.263.826.706
Dài hạn	80.364.322.170	-	-	(24.572.403.649)	55.791.918.521
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	80.364.322.170	-	-	(24.572.403.649)	55.791.918.521
TỔNG CỘNG	4.725.035.291.425	4.524.805.560.438	(4.957.741.869.840)	-	4.292.098.982.023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1. Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5, 7, 12 và 13)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.979.066.579.486	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2021 đến ngày 29 tháng 4 năm 2022	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Quyền sử dụng đất; nhà cửa, vật kiến trúc và phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	949.383.028.672	Từ ngày 9 tháng 8 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,5%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh	417.554.556.792	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2021 đến ngày 30 tháng 11 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	185.386.829.922	Từ ngày 2 tháng 8 năm 2021 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 4%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	153.286.505.997	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2021 đến ngày 6 tháng 12 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP An Bình	122.688.976.198	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	110.280.292.646	Từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn	75.610.206.089	Từ ngày 20 tháng 10 năm 2021 đến ngày 29 tháng 10 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	73.603.008.667	Ngày 15 tháng 7 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1. Vay ngắn hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5 và 7)
Ngân hàng United Overseas Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.428.548.446	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 đến ngày 21 tháng 7 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hồ Chí Minh	38.172.530.089	Từ ngày 11 tháng 11 năm 2021 đến ngày 13 tháng 11 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hà Nội	13.860.149.929	Từ ngày 9 tháng 9 năm 2021 đến ngày 10 tháng 9 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hồ Chí Minh	4.498.201.382	Ngày 17 tháng 9 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
TỔNG CỘNG	<u>4.172.819.414.315</u>			

21.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Các cá nhân	<u>3.223.822.481</u>	Ngày 23 tháng 6 năm 2022	Từ 0 đến 6,5	Tín chấp

21.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay dài hạn này nhằm bổ sung nguồn vốn mua máy móc, thiết bị phục vụ công việc xây dựng. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1				
Khoản vay 1	19.339.281.805	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 đến ngày 13 tháng 5 năm 2024	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Công ty sử dụng khoản vay dài hạn này nhằm bổ sung nguồn vốn mua máy móc, thiết bị phục vụ công việc xây dựng. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 (tiếp theo)				
Khoản vay 2	17.947.696.992	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 đến ngày 21 tháng 1 năm 2024	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 3	13.841.658.235	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 đến ngày 10 tháng 6 năm 2024	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 4	13.523.473.422	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 đến ngày 6 tháng 5 năm 2024	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 5	7.895.400.000	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2021 đến ngày 17 tháng 8 năm 2022	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 6	7.602.672.661	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 8 tháng 7 năm 2024	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 7	7.381.162.465	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 đến ngày 13 tháng 12 năm 2023	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 8	6.314.990.530	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 21 tháng 4 năm 2022	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 9	4.249.925.246	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 đến ngày 9 tháng 3 năm 2022	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 10	3.432.287.873	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2022	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 11	3.156.995.800	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2021 đến ngày 1 tháng 11 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Công ty sử dụng khoản vay dài hạn này nhằm bổ sung nguồn vốn mua máy móc, thiết bị phục vụ công việc xây dựng. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 12)
-----------	--------------------------------	--------------	----------	-------------------------------------

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 (tiếp theo)

Khoản vay 12	2.512.265.500	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 13	2.312.707.441	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2021 đến ngày 13 tháng 11 năm 2022	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 14	1.385.522.370	Ngày 30 tháng 8 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 15	929.727.055	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 21 tháng 9 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 16	630.000.000	Ngày 22 tháng 7 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Khoản vay 17	435.977.832	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2021 đến ngày 8 tháng 11 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
	112.891.745.227			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	57.099.826.706
Vay dài hạn	55.791.918.521

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 12)
-----------	--------------------------------	--------------	----------	-------------------------------------

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	3.164.000.000	Từ ngày 23 tháng 9 năm 2021 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Máy móc thiết bị
-------------	---------------	---	--	------------------

Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.164.000.000

TỔNG CỘNG 116.055.745.227

Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	60.263.826.706
Vay dài hạn	55.791.918.521

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	193.087.185.538	198.387.930.738
Dự phòng trợ cấp thôi việc	23.535.015.000	23.988.665.000
TỔNG CỘNG	<u>216.622.200.538</u>	<u>222.376.595.738</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.308.753.980.000	346.669.112.981	94.548.441.157	886.762.362.126	3.636.753.896.264
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	62.988.152.845	62.988.152.845
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(69.262.619.400)	(69.262.619.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.966.945.381)	(5.966.945.381)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.308.753.980.000	346.669.112.981	94.548.441.157	874.540.950.190	3.624.512.484.328
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.308.753.980.000	346.669.112.981	94.548.441.157	886.349.384.851	3.636.320.918.989
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	66.190.452.531	66.190.452.531
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.803.468.976)	(6.803.468.976)
Thường ban điều hành và cán bộ chủ chốt	-	-	-	(3.334.040.013)	(3.334.040.013)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.308.753.980.000	346.669.112.981	94.548.441.157	942.402.328.393	3.692.373.862.531

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu kỳ và cuối kỳ	2.308.753.980.000	2.308.753.980.000
Cổ tức		
Cổ tức phải trả bằng tiền	-	69.262.619.400

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu được phép phát hành	230.875.398	230.875.398
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	230.875.398	230.875.398
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	230.875.398	230.875.398
Cổ phiếu đang lưu hành	230.875.398	230.875.398
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	230.875.398	230.875.398

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	5.189.584.158.094	5.231.884.275.202
Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị	83.269.342.061	81.757.631.974
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	-	6.181.818.044
TỔNG CỘNG	5.272.853.500.155	5.319.823.725.220

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

(*) Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ và doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	5.048.149.073.456	4.757.526.902.679
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	141.435.084.638	474.357.372.523
TỔNG CỘNG	5.189.584.158.094	5.231.884.275.202
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối kỳ	18.561.037.356.721	18.111.065.468.134

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.672.862.722	22.894.834.401
Cổ tức được chia	334.800.000	-
Khác	3.432.415.656	19.855.637.940
TỔNG CỘNG	33.440.078.378	42.750.472.341

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn hợp đồng xây dựng	4.836.142.065.039	4.757.350.384.400
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	120.496.112.737	148.609.523.819
Giá vốn bán bất động sản	-	6.457.643.022
TỔNG CỘNG	4.956.638.177.776	4.912.417.551.241

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	135.223.190.478	152.209.043.337
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	624.956.601	400.151.173
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	30.218.652
	<u>(16.551.951.729)</u>	<u>55.380.784.690</u>
TỔNG CỘNG	<u>119.296.195.350</u>	<u>208.020.197.852</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên	102.362.952.090	121.098.949.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.987.876.490	29.533.184.219
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Hoàn nhập) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.465.836.562	5.245.831.311
	(6.060.407.554)	10.199.073.102
Khác	17.120.096.665	22.675.706.106
TỔNG CỘNG	<u>145.876.354.253</u>	<u>188.752.744.493</u>

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập khác	5.211.532.050	25.399.614.740
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.170.169.092	362.105.434
Lãi chậm thanh toán	-	24.119.855.557
Khác	1.041.362.958	917.653.749
Chi phí khác	(7.005.931.757)	-
Hoàn nhập các khoản phải thu lãi chậm thanh toán	(7.005.931.757)	-
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>(1.794.399.707)</u>	<u>25.399.614.740</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.407.268.916	15.335.022.954
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	90.730.000	460.142.916
TỔNG CỘNG	16.497.998.916	15.795.165.870

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.688.451.447	78.783.318.715
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	16.537.690.289	15.756.663.743
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	27.268.627	38.502.127
Thu nhập từ cổ tức	(66.960.000)	-
Chi phí thuế TNDN	16.497.998.916	15.795.165.870

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối		Báo cáo kết quả hoạt động	
	kế toán riêng giữa niên độ		kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Dự phòng trợ cấp thời việc	4.707.003.000	4.797.733.000	(90.730.000)	(460.142.916)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.707.003.000	4.797.733.000		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			(90.730.000)	(460.142.916)

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Mateç	Công ty con	Thuê máy móc thiết bị	317.499.484.866	295.205.889.886
		Cho thuê máy móc thiết bị	83.269.342.061	81.757.631.974
		Thuê kho	128.931.696	-
		Phí gia công Khác	-	108.091.000 16.012.909
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhóm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Thuê máy móc thiết bị	51.213.689.243	20.374.897.422
		Chi phí thầu phụ Mua vật tư	22.528.415.305 4.610.958.192	20.072.919.168 -
		Lãi từ thanh lý tài sản	-	11.540.819.999
		Cho vay	-	5.000.000.000
		Lãi cho vay	-	483.371.801
		Khác	-	230.146.609
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ Khác	29.710.699.057	17.275.420.536
			-	3.536.011.842

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Lãi cho vay	25.510.675.517	-
		Thuê văn phòng	8.236.476.787	8.461.569.871
Công ty Cổ phần Interhouse LA	Công ty con	Chi phí thầu phụ	7.454.438.194	17.903.717.488
		Khác	-	79.287.876
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Công ty con	Phí môi giới	6.600.000.000	-
		Lãi cho vay	2.394.831.298	18.980.168.047
		Cho vay	-	35.900.000.000
Công ty Cổ phần Tiến phát Sanyo Homes	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.545.196.864	23.786.362.905
		Phạt chậm thanh toán	-	6.610.534.414
		Khác	-	14.279.870
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Onwa Tech	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	2.898.393.789	6.763.521.766
		Khác	-	1.428.728.594
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Mua vật tư xây dựng	2.783.205.685	288.600.000
		Chi phí thầu phụ	-	4.672.044.894
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	629.009.124
		Khác	-	75.252.356
Công ty TNHH Sài Gòn Ngày Mới	Công ty con	Lãi cho vay	1.267.558.701	1.154.884.607
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	530.474.999	1.460.000.000
		Cho thuê văn phòng	280.301.147	271.186.621
Công ty Cổ phần Đầu tư và Năng lượng Tái Tạo Hòa Bình	Công ty con	Lãi cho vay	338.424.872	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Viết Hải và Bà Bùi Ngọc Mai	Chủ tịch và vợ chủ tịch	Mua hàng hóa bất động sản	-	120.000.000.000
Công ty TNHH MTV Pax Sky	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay	- -	25.800.000.000 1.660.812.138
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Mua vật tư Chi phí thầu phụ	- -	23.035.795.000 238.184.199
Công ty TNHH Bất động sản Pax Land	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay	- -	9.400.000.000 319.905.683
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi hộ vật tư Chi phí thầu phụ	- -	268.745.949 210.688.022
Công ty Cổ phần Bất động sản Okamura Sanyo	Công ty con	Thuê văn phòng	-	21.000.000

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)				
Công ty Cổ phần Tiên Phát Sanyo Homes	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	<u>39.423.573.739</u>	<u>103.245.716.811</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	108.763.977.950	108.723.630.308
Công ty Cổ phần Tiên Phát Sanyo Homes	Công ty con	Mua căn hộ	93.822.331.459	-
Chi nhánh Công ty TNHH Sơn Hòa Bình tại Hưng Yên	Công ty con	Chi phí thầu phụ	47.508.062.763	45.867.600.643
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Onwa Tech	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	712.410.126	2.150.867.138
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	257.009.847	257.009.847
TỔNG CỘNG			251.063.792.145	156.999.107.936
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Tiên Phát Sanyo Homes	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	34.872.815.592	50.623.704.273
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Cho vay	494.388.433.260	469.031.007.952
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiên Phát	Công ty con	Cho vay	104.037.540.338	6.606.636.261
Công ty TNHH Sài Gòn Ngày Mới	Công ty con	Cho vay	26.602.104.998	25.334.546.297
Công ty Cổ phần Đầu tư và Năng lượng Tái tạo Hòa Bình	Công ty con	Cho vay	6.650.523.380	6.312.098.508
Công ty CP Chứng khoán Sen Vàng	Công ty liên kết	Cho vay	1.210.326.518	-
TỔNG CỘNG			632.888.928.494	507.284.289.018
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiên Phát	Công ty con	Thu hộ	67.206.743.241	-
Ban lãnh đạo		Tạm ứng lương	24.816.028.500	34.754.413.000
Công ty Cổ phần Tiên Phát Sanyo Homes	Công ty con	Lãi phạt chậm thanh toán	7.413.092.247	7.413.092.247

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Onwa Tech	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	1.872.797.332	2.037.517.512
Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu Chi phí trả hộ	1.602.982.800 1.280.000	1.602.982.800 1.280.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Yên	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.382.536.766	1.382.536.766
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu Chi phí trả hộ	817.042.821 554.939.610	817.042.821 11.552.610.369
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	277.184.722	277.184.722
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình – Chi nhánh Hưng Yên	Công ty con	Chi phí trả hộ	250.913.551	404.199.415
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hòa Bình Huế	Công ty con	Chi phí trả hộ	169.519.247	169.519.247
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Thuê văn phòng	154.863.670	6.200.166
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí trả hộ	28.480.000	23.680.000
Công ty TNHH sản xuất và trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí trả hộ	4.327.273	-
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Chi phí trả hộ	2.643.899	-
Công ty Cổ phần Interhouse LA	Công ty con	Chi phí trả hộ	-	50.624.220
TỔNG CỘNG			106.555.375.679	60.492.883.285
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Ký quỹ thuê văn phòng	2.740.524.657	2.740.524.657

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Thuê máy móc	199.488.779.397	222.266.195.027
Công ty Cổ phần Interhouse LA	Công ty con	Chi phí thầu phụ	35.557.421.478	32.647.566.440
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	14.697.488.805	24.479.276.508
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	4.936.055.575	2.047.091.017
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	4.693.270.301	25.239.234.780
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	4.381.243.376	17.823.175.636
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Công ty con	Chi phí thầu phụ	3.399.500.000	1.210.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.764.283.689	604.830.870
Công ty Cổ phần Đầu tư và Năng lượng Tái tạo Hòa Bình	Công ty con	Mua vật tư xây dựng	2.530.950.862	1.530.195.513
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Chi phí thầu phụ	994.075.040	994.075.040
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Onwa Tech	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	293.892.492	309.485.772
Công ty Cổ phần Bất động sản Okamura Sanyo	Công ty con	Thuê văn phòng	-	3.850.000
TỔNG CỘNG			273.736.961.015	329.154.976.603

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	40.399.647.266	9.461.626.559
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	27.852.265.276	64.934.275.074
Công ty Cổ phần Interhouse LA	Công ty con	Chi phí thầu phụ	8.590.867.101	1.897.340.254
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Onwa Tech	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	3.783.936.306	3.014.691.057
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	926.289.237	3.171.643.554
Công ty Cổ phần Đầu tư và Năng lượng Tái tạo Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	436.949.090	432.429.335
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	19.099.471	124.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	-	3.112.826.199
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	-	117.829.235
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	-	10.500.000
TỔNG CỘNG			84.009.053.747	88.277.661.267
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Mượn tiền	2.537.600.000	2.546.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Bình Huế	Công ty con	Chi hộ	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Công ty con	Mượn tiền	353.114.410	353.114.410
TỔNG CỘNG			3.690.714.410	3.699.714.410

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Hội Đồng Quản Trị		
Thù lao	5.248.874.458	706.949.348
Ban Tổng Giám Đốc		
Lương và thưởng	5.598.032.745	7.890.080.287
Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ		
Thù lao, lương và thưởng	<u>1.395.054.867</u>	<u>966.090.616</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.241.962.070</u>	<u>9.563.120.251</u>

31. CÁC CAM KẾT

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê nhà và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Đến 1 năm	19.740.326.649	21.279.175.906
Từ 1 đến 5 năm	<u>7.245.926.152</u>	<u>16.939.048.697</u>
TỔNG CỘNG	<u>26.986.252.801</u>	<u>38.218.224.603</u>

Các cam kết thực hiện công trình xây dựng

Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc cam kết cung cấp các dịch vụ xây dựng. Tổng giá trị cam kết theo các hợp đồng này vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 ước tính là 17.882.965.527.772 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15.423.469.930.094 VND).

Cam kết góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 900.000.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH MTV Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Hòa Bình ("Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Hòa Bình"). Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Hòa Bình là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập vào ngày 2 tháng 6 năm 2021 theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0316891472 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Cam kết khác

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các khoản vay có tổng giá trị là 52.639.314.694 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 89.652.816.009 VND) tại các ngân hàng thương mại của một số công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	2.364	2.376

33. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐQT.HBC về việc giải thể Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị và thành lập Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

nghe

huy



[Handwritten signature]

Nguyễn Hồng Đức
Người lập

Nguyễn Thị Nguyễn Thủy
Kế toán trưởng

Lê Viết Hải
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

